

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 36



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến 30 tháng 6 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Tiến	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015)
Ông Trịnh Văn Thới	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015)
Ông Đinh Văn Duẩn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Đại Thụ	Thành viên (bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015)
Ông Phạm Anh Đức	Thành viên (bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015)
Ông Cù Văn Vinh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015)
Ông Phạm Văn Hùng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đinh Văn Duẩn	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015)
Ông Phạm Văn Hùng	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015)
Ông Đỗ Duy Tháp	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thiên Kim	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đại Thụ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Sơn Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Tích	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,


Đinh Văn Đuan
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 8 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 21 tháng 8 năm 2015, từ trang 4 đến trang 36. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 và 202 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán với báo cáo kiểm toán độc lập ngày 20 tháng 3 năm 2015 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1

Nguyễn Anh Tuấn
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1472-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 21 tháng 8 năm 2015
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay “Deloitte Toàn cầu”) không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MÃ SỐ B 01a-DN/HN

Đơn vị: VND

31/12/2014

(Trình bày lại)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	
			30/6/2015	(Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		97.951.592.483	93.673.078.499
I. Tiền	110	5	7.813.873.724	6.520.439.381
1. Tiền	111		7.813.873.724	6.520.439.381
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		57.512.750.621	52.312.358.743
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	61.697.290.191	55.638.733.216
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		524.149.316	452.725.559
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		7.034.044.240	7.034.044.240
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	8.796.032.043	9.409.567.085
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(20.538.765.169)	(20.222.711.357)
III. Hàng tồn kho	140	10	31.339.806.750	34.095.239.508
1. Hàng tồn kho	141		31.339.806.750	34.095.239.508
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.285.161.388	745.040.867
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		845.442.715	292.456.237
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		439.718.673	452.584.630
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		54.430.919.863	69.961.083.345
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		15.452.820.166	29.236.876.649
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7	14.309.228.972	28.093.285.455
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	1.143.591.194	1.143.591.194
II. Tài sản cố định	220		6.000.652.125	5.527.890.118
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	6.000.652.125	5.527.890.118
- Nguyên giá	222		29.280.360.867	28.820.489.185
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.279.708.742)	(23.292.599.067)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		50.000.000	50.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(50.000.000)	(50.000.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	13	1.258.286.712	1.451.878.807
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.258.286.712	1.451.878.807
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	31.365.307.806	33.464.366.905
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		29.487.418.159	28.964.366.902
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.374.000.000	6.900.000.003
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.496.110.353)	(2.400.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		353.853.054	280.070.866
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		353.853.054	280.070.866
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		152.382.512.346	163.634.161.844

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
				(Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		95.459.297.633	105.041.306.180
I. Nợ ngắn hạn	310		85.995.346.792	90.919.993.257
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	7.412.916.859	4.713.361.926
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		16.418.282.452	10.381.185.289
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	7.940.766.489	9.899.812.345
4. Phải trả người lao động	314		22.078.090.765	31.745.341.947
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.041.515.452	722.970.083
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	20.716.321.132	24.270.079.032
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	9.219.101.218	8.644.451.675
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.168.352.425	542.790.960
II. Nợ dài hạn	330		9.463.950.841	14.121.312.923
1. Phải trả người bán dài hạn	331	15	4.702.043.293	9.352.632.708
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	657.119.417
3. Phải trả dài hạn khác	337	16	3.174.132.054	3.321.523.479
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	427.700.000	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		489.663.175	-
6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		670.412.319	790.037.319
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		56.923.214.713	58.592.855.664
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	56.923.214.713	58.592.855.664
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		26.097.100.000	26.097.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		26.097.100.000	26.097.100.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		8.502.618.712	8.502.618.712
3. Cổ phiếu quỹ	415		(620.000)	(620.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.148.748.099	12.831.772.099
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.883.794.253	9.012.900.557
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		4.964.366.901	909.725.572
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		3.919.427.352	8.103.174.985
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		291.573.649	2.149.084.296
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		152.382.512.346	163.634.161.844



Lê Thị Lan Phương
 Người lập biểu

Ngày 21 tháng 8 năm 2015



Lê Minh Quyết
 Kế toán trưởng




 Đinh Văn Duẩn
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 02a-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2015	Từ ngày 01/01/2014
			đến ngày 30/6/2015	đến ngày 30/6/2014 (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		43.744.162.546	43.467.738.885
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	73.338.725
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		43.744.162.546	43.394.400.160
4. Giá vốn hàng bán	11		31.483.865.035	32.594.191.454
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		12.260.297.511	10.800.208.706
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	550.566.839	242.157.745
7. Chi phí tài chính	22	22	1.003.104.126	685.011.452
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		419.716.947	685.011.452
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		523.051.257	1.679.206.536
9. Chi phí bán hàng	25		72.524.127	110.834.654
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	7.240.231.731	8.020.283.765
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		5.018.055.623	3.905.443.116
12. Thu nhập khác	31	23	369.407.656	795.899.629
13. Chi phí khác	32	24	468.342.390	559.372.273
14. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(98.934.734)	236.527.356
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		4.919.120.889	4.141.970.472
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	543.209.172	556.662.832
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		489.663.175	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		3.886.248.542	3.585.307.640
19. Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ	61		3.919.427.352	3.764.585.515
20. (Lỗ) sau thuế cổ đông không kiểm soát	62		(33.178.810)	(179.277.875)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	1.115	1.071

Lê Thị Lan Phương
 Người lập biểu

Ngày 21 tháng 8 năm 2015

Lê Minh Quyết
 Kế toán trưởng



Đình Văn Duẩn
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 03a-DN
 Đơn vị: VND

Từ ngày 01/01/2014
đến ngày 30/6/2014
 (Trình bày lại)

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 (Trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>4.919.120.889</i>	<i>4.141.970.472</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	499.547.250	547.550.410
Các khoản dự phòng	03	625.635.875	613.620.314
Lỗ/(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	901.609.858	(1.679.206.537)
Chi phí lãi vay	06	419.716.947	685.011.452
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>7.365.630.819</i>	<i>4.308.946.111</i>
Giảm các khoản phải thu	09	5.216.346.537	18.741.496.965
(Tăng) hàng tồn kho	10	(397.762.775)	(435.489.643)
(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(7.696.935.815)	(21.635.729.945)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(639.681.578)	759.304.263
Tiền lãi vay đã trả	14	(419.716.947)	(685.011.452)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.584.784.421)	(960.967.013)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	22.095.367	374.646.080
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(700.922.465)	(542.204.052)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>1.164.268.722</i>	<i>(75.008.686)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(803.997.780)	(156.000.001)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	1.296.255.544
3. Tiền thuần từ thu hồi đầu tư vốn đơn vị khác (i)	26	(789.186.142)	-
4. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	720.000.000	500.000.000
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(873.183.922)</i>	<i>1.640.255.543</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.843.371.593	5.006.333.290
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.841.022.050)	(5.134.583.669)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(2.549.600.450)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>1.002.349.543</i>	<i>(2.677.850.829)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	1.293.434.343	(1.112.603.972)
Tiền đầu kỳ	60	6.520.439.381	5.555.758.776
Tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	7.813.873.724	4.443.154.804

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

- (i) Tiền thuần từ thu hồi đầu tư vốn đơn vị khác phản ánh số tiền thuần khi thanh lý công ty con - Công ty TNHH Kỹ thuật Việt Nam - Canada dẫn đến mất quyền kiểm soát trong kỳ báo cáo, được xác định bằng tổng số tiền nhận ứng trước khi thanh lý công ty con 1.000.000.000 VND trừ tổng số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển của công ty con tại thời điểm thanh lý là 1.789.186.142 VND.



Lê Thị Lan Phương
Người lập biểu

Ngày 21 tháng 8 năm 2015



Lê Minh Quyết
Kế toán trưởng



Đinh Văn Duẩn
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Tư vấn Xây dựng Sông Đà theo Quyết định số 1680/QĐ-BXD ngày 28 tháng 10 năm 2004 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100105454 sửa đổi lần thứ 14 ngày 18 tháng 5 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 353 người (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 387 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty:

- Lắp đặt hệ thống điện
- Kiểm tra, phân tích kỹ thuật
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
- Xây dựng công trình và kỹ thuật dân dụng khác
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
- Hoạt động thiết kế dân dụng
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong kỳ hoạt động

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có một số sự kiện quan trọng sau:

- Công ty đã thay đổi Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc (chi tiết xem tại Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc) cho nhiệm kỳ 2015 - 2019.
- Công ty thoái vốn thành công khỏi công ty con - Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Việt Nam - Canada (VCE) trong tháng 3 năm 2015, chuyển nhượng 41% cổ phần trong số 51% cổ phần đang sở hữu theo giá trị sổ sách là 1.943.466.830 VND cho cổ đông hiện hữu của Công ty VCE.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các công ty con, công ty liên kết:

- Công ty con: Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà.
- Công ty liên kết: Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

- Xí nghiệp khảo sát xây dựng.
- Trung tâm thí nghiệm.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 và 202 để phù hợp với việc so sánh với số liệu kỳ này.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày cuối kỳ hoạt động. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư vào đơn vị khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả, và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5
Phương tiện vận tải	6 - 10

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. TIỀN

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	359.371.456	650.828.399
Tiền gửi ngân hàng	7.454.502.268	5.869.610.982
	7.813.873.724	6.520.439.381

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	<u>30/6/2015</u>		<u>31/12/2014</u>	
	VND		VND	
	Giá trị sổ sách	Dự phòng	Giá trị sổ sách	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
- <i>Đầu tư vào công ty liên kết:</i>	29.487.418.159	-	28.964.366.902	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đoa	29.487.418.159	-	28.964.366.902	-
- <i>Đầu tư vào đơn vị khác:</i>	4.374.000.000	(2.496.110.353)	6.900.000.003	(2.400.000.000)
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng - Kratie	2.400.000.000	(2.400.000.000)	2.400.000.000	(2.400.000.000)
Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Việt Nam-Canada	474.000.000	(96.110.353)	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà	1.500.000.000	-	1.500.000.003	-
Đầu tư đơn vị khác	-	-	3.000.000.000	-

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này do các đơn vị được đầu tư chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

<u>Tên công ty liên kết</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu %</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đoa	Số 138 Tôn Đức Thắng - phường Yên Thế - TP Pleiku - Tỉnh Gia Lai	28,89%	28,89%	Phát điện, cung cấp điện năng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty đầu tư khác của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

Tên công ty đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng-Kratie	Thôn Phú Lợi, xã Phú Riềng, huyện Bù Gia Mập, Bình Phước	0,60%	0,60%	Sản xuất sản phẩm từ cao su
Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Việt Nam-Canada	Nhà G9 - số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Hà Nội	10%	10%	Tư vấn kỹ thuật
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà	Phòng 504 Tòa nhà CT2 - Khu đô thị Văn Khê, Hà Đông, Hà Nội	13,07%	13,07%	Xây dựng và bất động sản

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	61.697.290.191	55.638.733.216
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	5.605.812.092	3.762.663.823
Ban điều hành dự án Thủy điện Đồng Nai 5	5.154.566.073	1.470.000.000
Ban điều hành dự án thủy điện Xékaman 3	3.065.979.647	2.910.332.807
Phải thu các bên liên quan (Xem Thuyết minh số 30)	19.342.737.278	12.502.963.420
Các khoản phải thu khách hàng khác	28.528.195.101	34.992.773.166
b. Phải thu dài hạn của khách hàng	14.309.228.972	28.093.285.455
Ban điều hành dự án Thủy điện Lai Châu	2.391.652.000	1.065.906.000
Công ty Cổ phần Thủy điện ĐakDrinh	2.336.258.537	2.336.258.537
Phải thu các bên liên quan (Xem Thuyết minh số 30)	866.227.581	1.590.351.906
Các khoản phải thu khách hàng khác	8.715.090.854	23.100.769.012
	76.006.519.163	83.732.018.671



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. PHẢI THU KHÁC

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
a. Ngắn hạn	8.796.032.043	9.409.567.085
- Tạm ứng cho các tổ, đội	4.659.665.816	4.158.144.990
- Lãi cho vay phải thu Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	2.034.988.077	2.034.988.077
- Cổ tức năm 2012, 2013 phải thu Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa	1.080.000.000	1.800.000.000
- Phải thu ngắn hạn khác	1.021.378.150	1.416.434.018
b. Dài hạn	1.143.591.194	1.143.591.194
- Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	381.981.600	381.981.600
- Các khoản phải thu khác	761.609.594	761.609.594
	<u>9.939.623.237</u>	<u>10.553.158.279</u>

9. NỢ XẤU

	<u>30/6/2015</u>		<u>31/12/2014</u>	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu				
Ban điều hành thủy điện Xekaman 3	3.826.251.327	946.180.023	4.226.251.327	1.881.208.098
- Chưa quá hạn hoặc quá hạn dưới 6 tháng	760.271.680	760.271.680	1.881.208.098	1.881.208.098
- Quá hạn thanh toán 1 năm đến dưới 2 năm	371.816.686	185.908.343	-	-
- Quá hạn thanh toán trên 3 năm	2.694.162.961	-	2.345.043.229	-
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	6.461.672.847	3.779.303.775	3.762.663.823	-
- Chưa quá hạn hoặc quá hạn dưới 6 tháng	3.779.303.775	3.779.303.775	-	-
- Quá hạn thanh toán trên 3 năm	2.682.369.072	-	3.762.663.823	-
Đối tượng khác	75.658.218.226	60.681.893.433	86.296.261.800	72.181.257.495
Tổng cộng số dư công nợ	<u>85.946.142.400</u>	<u>65.407.377.231</u>	<u>94.285.176.950</u>	<u>74.062.465.593</u>

10. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/6/2015</u>		<u>31/12/2014</u>	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	19.591.180	-	23.044.182	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	31.311.313.570	-	34.060.849.326	-
Thành phẩm	8.902.000	-	11.346.000	-
	<u>31.339.806.750</u>	<u>-</u>	<u>34.095.239.508</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>01/01/2015</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Thuế GTGT</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>30/6/2015</u>
	<u>VND</u>	<u>trong kỳ</u>	<u>được khấu trừ/</u>	<u>trong kỳ</u>	<u>VND</u>
		<u>VND</u>	<u>Điều chỉnh khác</u>	<u>VND</u>	
			<u>VND</u>	<u>VND</u>	
<i>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</i>					
Thuế giá trị gia tăng	2.513.532.527	3.224.804.195	(519.237.446)	(3.321.618.048)	1.897.481.228
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.275.432.764	543.209.172	90.094.829	(1.584.784.421)	323.952.344
Thuế thu nhập cá nhân	1.226.957.269	263.060.820	(5.500.000)	(413.859.831)	1.070.658.258
Thuế đất	456.921.493	323.977.500	-	(323.977.500)	456.921.493
Các khoản phải nộp khác (i)	4.426.968.292	226.405.199	(241.758.642)	(219.861.683)	4.191.753.166
	9.899.812.345	4.581.456.886	(676.401.259)	(5.864.101.483)	7.940.766.489

- (i) Các khoản phải nộp Nhà nước khác bao gồm 4.087.495.368 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 4.322.710.494 VND) tiền truy thu thuế và tiền lãi phạt chậm nộp còn phải nộp theo Biên bản Kiểm tra quyết toán thuế cho năm 2007 và năm 2008 tại ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Cục thuế Hà Nội.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	8.567.444.595	11.578.486.122	8.254.210.025	420.348.443	28.820.489.185
Tăng trong kỳ	-	989.115.782	-	-	989.115.782
Giảm khi thoái vốn khỏi công ty con	-	-	(489.744.100)	(39.500.000)	(529.244.100)
Tại ngày 30/6/2015	8.567.444.595	12.567.601.904	7.764.465.925	380.848.443	29.280.360.867
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	6.357.287.430	8.715.556.948	8.010.967.331	208.787.358	23.292.599.067
Khấu hao trong kỳ	55.588.621	315.385.513	85.850.364	42.722.752	499.547.250
Giảm khi thoái vốn khỏi công ty con	-	-	(489.744.100)	(22.693.475)	(512.437.575)
Tại ngày 30/6/2015	6.412.876.051	9.030.942.461	7.607.073.595	228.816.635	23.279.708.742
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2015	2.154.568.544	3.536.659.443	157.392.330	152.031.808	6.000.652.125
Tại ngày 31/12/2014	2.210.157.165	2.862.929.174	243.242.694	211.561.085	5.527.890.118

Như trình bày tại Thuyết minh số 17 và 18, Công ty đã thế chấp phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 157.392.330 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 243.242.694 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, nguyên giá của Tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 20.121.504.539 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 19.826.266.445 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
- Căn hộ thuộc dự án City view Sông Đà - Hà Đông	1.074.800.750	1.074.800.750
- Sửa chữa nhà G9	183.485.962	35.670.000
- Hệ thống đường ống nước	-	341.408.057
	<u>1.258.286.712</u>	<u>1.451.878.807</u>

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

<u>Tên công ty con</u>	<u>Nơi thành lập</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu %</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà	Thôn Lại Xá - Xã Thanh Thủy - Huyện Thanh Hà - Tỉnh Hải Dương	73,48%	73,48%	Xử lý nước, dịch vụ và trang thiết bị

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>30/6/2015</u>		<u>31/12/2014</u>	
	VND	Số có khả năng trả nợ	VND	Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	%	Giá trị	%
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Các bên liên quan (Xem Thuyết minh số 30)	7.412.916.859	7.412.916.859	4.713.361.926	4.713.361.926
Các đối tượng khác	1.700.996.046	1.700.996.046	2.443.645.323	2.443.645.323
	5.711.920.813	5.711.920.813	2.269.716.603	2.269.716.603
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
Viện Thiết kế Thủy công Côn Minh	4.702.043.293	4.702.043.293	9.352.632.708	9.352.632.708
Viện Thiết kế Thủy công TASKENT	1.630.440.560	1.630.440.560	1.630.440.560	1.630.440.560
Ban điều hành dự án Thủy điện Xêkaman 3	810.664.418	810.664.418	810.664.418	810.664.418
Công ty Tư vấn Xây dựng điện 1	577.654.055	577.654.055	577.654.055	577.654.055
Các bên liên quan (Xem Thuyết minh số 30)	456.983.154	456.983.154	456.983.154	456.983.154
Các đối tượng khác	548.048.524	548.048.524	1.574.328.654	1.574.328.654
	678.252.582	678.252.582	4.302.561.867	4.302.561.867
	<u>12.114.960.152</u>	<u>12.114.960.152</u>	<u>14.065.994.634</u>	<u>14.065.994.634</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>		
- Phải trả các tổ, đội thi công	14.352.611.895	18.926.353.704
- Cổ tức phải trả	2.609.648.000	-
- Kinh phí công đoàn và các khoản bảo hiểm	1.091.606.529	1.408.544.308
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.662.454.708	3.935.181.020
	<u>20.716.321.132</u>	<u>24.270.079.032</u>
<i>b) Dài hạn</i>		
% giữ lại chờ hết hạn bảo hành	3.174.132.054	3.321.523.479
	<u>3.174.132.054</u>	<u>3.321.523.479</u>

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>30/6/2015</u>	<u>Trong kỳ</u>		<u>31/12/2014</u>
	VND	VND		VND
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
Vay ngắn hạn	9.219.101.218	4.380.671.593	3.806.022.050	8.644.451.675
	<u>9.219.101.218</u>	<u>4.380.671.593</u>	<u>3.806.022.050</u>	<u>8.644.451.675</u>

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 91/2014-HĐTDHM/NHCT127-TSVĐ ngày 15 tháng 10 năm 2014. Hạn mức tối đa là 20.000.000.0000 VND để bổ sung vốn lưu động với mức lãi suất theo giấy nhận nợ, thời hạn theo từng lần giải ngân nhưng tối đa không quá 8 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất thời hạn 50 năm tại nhà G9, số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội và tài sản cố định là xe ô tô Camry ACV40L theo các hợp đồng thế chấp tài sản cho các hợp đồng tín dụng đã tắt toán nhưng được ngân hàng chấp nhận tiếp tục sử dụng để đảm bảo cho khoản vay hiện tại theo Hợp đồng số 01/2014-HĐTDHM/NHCT127-TVSD.

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<u>30/6/2015</u>	<u>Trong kỳ</u>		<u>31/12/2014</u>
	VND	VND		VND
	Giá trị ghi sổ	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ
Vay dài hạn	427.700.000	462.700.000	35.000.000	-
Trong đó:				
- Hợp đồng số 01/2015	222.600.000	257.600.000	35.000.000	-
- Hợp đồng số 02/2015	205.100.000	205.100.000	-	-
	<u>427.700.000</u>	<u>462.700.000</u>	<u>35.000.000</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty ký hai hợp đồng vay dài hạn như sau:

- Tại ngày 13 tháng 3 năm 2015, Công ty ký Hợp đồng số 01/2015-HĐTD/NHCT127-TVSD với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân với mục đích dùng tiền vay để mua máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động khoan phun xử lý nền móng. Hạn mức hợp đồng vay tối đa không vượt quá 282.100.000 VND. Thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất được ghi nhận trên từng giấy nhận nợ, lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 11,5%/năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng và sẽ được điều chỉnh 1 tháng 1 lần vào ngày 15 của tháng cuối cùng của thời hạn điều chỉnh lãi suất. Công ty đã thế chấp tài sản là xe ô tô Camry ACV40L theo các hợp đồng thế chấp tài sản cho các hợp đồng tín dụng đã tắt toán nhưng được ngân hàng chấp nhận tiếp tục sử dụng để đảm bảo cho khoản vay hiện tại theo Hợp đồng số 01/2015-HĐTD/NHCT127-TVSD.

- Tại ngày 14 tháng 4 năm 2015, Công ty ký Hợp đồng số 02/2015-HĐTD/NHCT127-TVSD với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân với mục đích dùng tiền vay để mua máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động khoan phun xử lý nền móng. Hạn mức hợp đồng vay tối đa không vượt quá 205.100.000 VND. Thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất được ghi nhận trên từng giấy nhận nợ, lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 10,5%/năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng và sẽ được điều chỉnh 1 tháng 1 lần vào ngày 15 của tháng cuối cùng của thời hạn điều chỉnh lãi suất. Công ty đã thế chấp xe ô tô Camry ACV40L theo các hợp đồng thế chấp tài sản cho các hợp đồng tín dụng đã tắt toán nhưng được ngân hàng chấp nhận tiếp tục sử dụng để đảm bảo cho khoản vay hiện tại theo Hợp đồng số 02/2015-HĐTD/NHCT127-TVSD.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Trong năm thứ hai	427.700.000	-
Số phải trả sau 12 tháng	<u>427.700.000</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu (i)	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	26.097.100.000	8.502.618.712	(620.000)	9.729.594.633	2.509.272.217	3.847.472.051	50.685.437.613
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	8.103.174.985	8.103.174.985
Trích lập các quỹ	-	-	-	606.569.421	151.642.355	(1.467.021.106)	(708.809.330)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(1.565.826.000)	(1.565.826.000)
Điều chỉnh khác	-	-	-	(165.306.527)	-	95.100.627	(70.205.900)
Số dư tại ngày 01/01/2015	26.097.100.000	8.502.618.712	(620.000)	10.170.857.527	2.660.914.572	9.012.900.557	56.443.771.368
Áp dụng chính sách kế toán mới	-	-	-	2.660.914.572	(2.660.914.572)	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2015 như được trình bày lại	26.097.100.000	8.502.618.712	(620.000)	12.831.772.099	-	9.012.900.557	56.443.771.368
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	3.919.427.352	3.919.427.352
Trích lập các quỹ (ii)	-	-	-	623.288.997	-	(1.745.198.653)	(1.121.909.656)
Chia cổ tức (ii)	-	-	-	-	-	(2.609.648.000)	(2.609.648.000)
Điều chỉnh giảm khi thoái vốn công ty con	-	-	-	(306.312.997)	-	306.312.997	-
Số dư tại ngày 30/6/2015	26.097.100.000	8.502.618.712	(620.000)	13.148.748.099	-	8.883.794.253	56.631.641.064

- (i) Vốn khác của chủ sở hữu là phần vốn Công ty sử dụng từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển để mua sắm tài sản cố định phục vụ hoạt động kinh doanh (giá trị 568 triệu VND) và dùng để đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Đoa (giá trị 7,9 tỷ VND).
- (ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 19/NQ/2015/ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2015, Công ty đã phân bổ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2014 như sau: Quỹ đầu tư phát triển (bao gồm Quỹ dự phòng tài chính chuyển sang) là 623.288.997 VND; quỹ khen thưởng, phúc lợi là 921.909.656 VND; Quỹ thưởng cho Ban quản lý, điều hành là 200.000.000 VND và phân chia cổ tức năm 2014 là 2.609.648.000 VND. Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2015, Công ty chưa thanh toán khoản cổ tức năm 2014 này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
Cổ phiếu		
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.609.710	2.609.710
+ Cổ phiếu phổ thông	2.609.710	2.609.710
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	62	62
+ Cổ phiếu phổ thông	62	62
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.609.648	2.609.648
+ Cổ phiếu phổ thông	2.609.648	2.609.648
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 14, vốn điều lệ của Công ty là 26.097.100.000 VND và đã được các bên góp vốn đủ tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2015, chi tiết như sau:

	Tỷ lệ góp vốn tại ngày 30/6/2015	Vốn đã góp	
		30/6/2015	31/12/2014
	%	VND	VND
Tổng công ty Sông Đà	51%	13.309.520.000	13.309.520.000
Cổ đông khác	49%	12.787.580.000	12.787.580.000
Tổng cộng	100%	26.097.100.000	26.097.100.000

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2015	Từ ngày 01/01/2014
	đến ngày 30/6/2015	đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.878.848.650	2.476.599.299
Chi phí nhân công	26.919.611.206	24.951.156.159
Chi phí khấu hao tài sản cố định	499.547.250	547.550.410
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.708.278.604	7.929.682.938
Chi phí khác	5.051.688.381	6.000.593.863
	<u>41.057.974.091</u>	<u>41.905.582.669</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	31.761.121	35.157.745
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	207.000.000
Lãi thoái vốn khỏi Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Việt Nam-Canada	518.738.888	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	66.830	-
	550.566.839	242.157.745

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	419.716.947	685.011.452
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	487.258.643	-
Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	96.110.353	-
Chi phí tài chính khác	18.183	-
	1.003.104.126	685.011.452

23. THU NHẬP KHÁC

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Điều chỉnh giảm công nợ không phải trả	241.758.642	785.983.629
Tiền phạt thu được	84.237.189	-
Các khoản khác	43.411.825	9.916.000
	369.407.656	795.899.629

24. CHI PHÍ KHÁC

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Các khoản phạt thuế, phạt chậm nộp	222.405.202	394.079.773
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị	161.699.999	165.292.500
Tiền phạt kinh tế phải trả	84.237.189	-
	468.342.390	559.372.273

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</u>	<u>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.524.534.138	5.340.330.660
Chi phí bằng tiền khác	964.491.341	561.576.271
Chi phí dự phòng	529.525.522	613.620.314
Chi phí dịch vụ mua ngoài	436.608.561	542.337.360
Thuế, phí và lệ phí	365.789.401	482.663.155
Chi phí vật liệu quản lý	193.179.892	173.347.325
Chi phí đồ dùng văn phòng	140.252.512	206.328.735
Chi phí khấu hao TSCĐ	85.850.364	100.079.945
	7.240.231.731	8.020.283.765

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</u>	<u>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</u>
	VND	VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	543.209.172	556.662.832
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	543.209.172	556.662.832

Chi tiết:

	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</u>	<u>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	4.919.120.889	4.141.970.472
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế	817.543.563	1.249.881.250
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế	(3.267.531.851)	(2.861.566.123)
Lợi nhuận tính thuế	2.469.132.601	2.530.285.599
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	543.209.172	556.662.832

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	3.919.427.352	3.764.585.515
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	(1.009.735.530)	(969.844.676)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.909.691.822	2.794.740.839
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.609.648	2.609.648
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.115	1.071

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 do ảnh hưởng của việc loại trừ số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 VND	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	323.977.500	551.631.992

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Trong vòng một năm	508.991.061	508.991.061
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	2.035.964.245	2.035.964.245
Sau năm năm	17.209.709.768	17.464.205.298
	19.754.665.074	20.009.160.604

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 966,4 m² đất Nhà nước cho thuê 50 năm, trả tiền thuê đất hàng năm, là trụ sở chính của Công ty, tại số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội với giá thuê 537.593 VND/m²/năm với 869,9 m² đất nằm ngoài chỉ giới mở đường và 268.797 VND/m²/năm với 96,5 m² đất nằm trong chỉ giới mở đường. Thời hạn thuê đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 50 năm kể từ ngày 28 tháng 10 năm 2004.

- Tổng số tiền thuê 4.400 m² đất Nhà nước cho thuê thời hạn 30 năm, trả tiền thuê đất hàng năm, để sử dụng làm Trung tâm thí nghiệm tại phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình với giá tiền thuê là 15.400.000 VND/năm. Thời hạn thuê đất là 30 năm kể từ ngày 19 tháng 6 năm 2003.

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 và 18 trừ đi tiền và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối)).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Các khoản vay	9.646.801.218	8.644.451.675
Trừ: Tiền	(7.813.873.724)	(6.520.439.381)
Nợ thuần	1.832.927.494	2.124.012.294
Vốn chủ sở hữu	56.923.214.713	58.592.855.664
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,03	0,04

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

0011
GON
CH NH
DEL
VIET
G DA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	7.813.873.724	6.520.439.381
Phải thu khách hàng và phải thu khác	67.781.755.655	76.938.364.843
Đầu tư vào đơn vị khác	1.877.889.647	4.500.000.003
Tổng cộng	<u>77.473.519.026</u>	<u>87.958.804.227</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	9.646.801.218	8.644.451.675
Phải trả người bán và phải trả khác	34.913.806.809	40.249.052.837
Chi phí phải trả	1.041.515.452	722.970.083
Tổng cộng	<u>45.602.123.479</u>	<u>49.616.474.595</u>

Công ty không xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

500 -
E TY
HỮU
TT
NL
TP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ giảm/tăng 192.936.024 VND (kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014: 172.889.034 VND).

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015		
VND	+200	(192.936.024)
VND	-200	192.936.024
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014		
VND	+200	(172.889.034)
VND	-200	172.889.034

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
30/6/2015			
Tiền	7.813.873.724	-	7.813.873.724
Phải thu khách hàng và phải thu khác	52.328.935.489	15.452.820.166	67.781.755.655
Đầu tư vào đơn vị khác	-	1.877.889.647	1.877.889.647
Tổng cộng	60.142.809.213	17.330.709.813	77.473.519.026
30/6/2015			
Các khoản vay	9.219.101.218	427.700.000	9.646.801.218
Phải trả người bán và phải trả khác	27.037.631.462	7.876.175.347	34.913.806.809
Chi phí phải trả	1.041.515.452	-	1.041.515.452
Tổng cộng	37.298.248.132	8.303.875.347	45.602.123.479
Chênh lệch thanh khoản thuần	22.844.561.081	9.026.834.466	31.871.395.547
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
31/12/2014			
Tiền	6.520.439.381	-	6.520.439.381
Phải thu khách hàng và phải thu khác	47.701.488.194	29.236.876.649	76.938.364.843
Đầu tư vào đơn vị khác	-	4.500.000.003	4.500.000.003
Tổng cộng	54.221.927.575	33.736.876.652	87.958.804.227
31/12/2014			
Các khoản vay	8.644.451.675	-	8.644.451.675
Phải trả người bán và phải trả khác	27.574.896.650	12.674.156.187	40.249.052.837
Chi phí phải trả	722.970.083	-	722.970.083
Tổng cộng	36.942.318.408	12.674.156.187	49.616.474.595
Chênh lệch thanh khoản thuần	17.279.609.167	21.062.720.465	38.342.329.632

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Tổng Công ty Sông Đà
 Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà (Sodaco)
 Công ty Cổ phần Sông Đà 1
 Công ty Cổ phần Sông Đà 2
 Công ty Cổ phần Sông Đà 3
 Công ty Cổ phần Sông Đà 4
 Công ty Cổ phần Sông Đà 5
 Công ty Cổ phần Sông Đà 6
 Công ty Cổ phần Sông Đà 7
 Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7
 Công ty Cổ phần Sông Đà 9
 Công ty Cổ phần Sông Đà 10
 Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên
 Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11
 Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà
 Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà
 Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội

Mối quan hệ

Công ty mẹ
 Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
 Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
 Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
 Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
 Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
 Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
 Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
 Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
 Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
 Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
 Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
 Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
 Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
 Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
 Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Doanh thu cung ứng dịch vụ	19.664.531.960	14.095.447.623
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	6.178.547.088	5.433.905.937
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	3.565.935.362	2.676.045.506
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	3.208.089.952	1.853.694.743
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	2.724.676.239	1.732.778.509
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	1.446.365.697	1.443.992.257
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	1.149.737.294	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	1.023.458.510	796.152.489
Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà (Sodaco)	367.721.818	158.878.182
Cổ tức phải trả	1.330.920.480	798.571.260
Tổng Công ty Sông Đà	1.330.920.480	798.571.260



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	19.342.737.278	12.502.963.420
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	3.288.098.063	2.212.169.726
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	2.509.107.235	805.844.861
Công ty cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên	2.122.822.562	751.713.122
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	1.973.522.962	1.538.479.377
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	1.536.985.036	1.240.825.359
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	1.856.029.731	1.091.940.849
Tổng Công ty Sông Đà	1.454.439.609	1.521.358.642
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	1.081.260.110	1.012.835.621
Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà (Sodaco)	962.578.977	244.690.898
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	948.925.573	786.763.026
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	873.946.478	970.561.298
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	414.240.301	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 1	320.780.641	325.780.641
Phải thu khách hàng dài hạn	866.227.581	1.590.351.906
Tổng Công ty Sông Đà	449.431.838	535.004.812
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	416.795.743	1.055.347.094
Phải trả người bán ngắn hạn	1.700.996.046	2.443.645.323
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà	1.182.332.904	2.226.779.351
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11	518.663.142	216.865.972
Phải trả người bán dài hạn	548.048.524	1.574.328.654
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà	-	1.026.280.130
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà	217.532.524	217.532.524
Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội	330.516.000	330.516.000

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị:

	<u>Từ ngày 01/01/2015</u> <u>đến ngày 30/6/2015</u>	<u>Từ ngày 01/01/2014</u> <u>đến ngày 30/6/2014</u>
	VND	VND
Tiền lương	950.874.249	874.545.580
Tiền thưởng	-	31.336.318
Thù lao Hội đồng quản trị	-	27.000.000
Tổng cộng	950.874.249	932.881.898

31. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ HOẠT ĐỘNG

Trong tháng 7 năm 2015, Công ty thoái vốn thành công 2.400.000 cổ phần của công ty liên kết - Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa thông qua giao dịch trên Sàn Upcom. Theo thông báo kết quả giao dịch tổng hợp từ ngày 19 tháng 7 năm 2015 đến ngày 23 tháng 7 năm 2015, các giao dịch đã khớp lệnh thành công với tổng số tiền thực bán là 25.939.050.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được điều chỉnh, phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 và 2012 cho phù hợp với việc so sánh với số liệu kỳ này như sau:

Đơn vị: VND

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại 31/12/2014

	Số đã báo cáo tại 31/12/2014	Chênh lệch điều chỉnh/phân loại lại	Số trình bày lại tại 31/12/2014
TÀI SẢN			
Đầu tư ngắn hạn	7.034.044.240	7.034.044.240	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	83.732.018.672	28.093.285.456	55.638.733.216
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	(7.034.044.240)	7.034.044.240
Phải thu ngắn hạn khác	5.316.269.067	(4.093.298.018)	9.409.567.085
Chi phí trả trước ngắn hạn	47.015.344	(245.440.893)	292.456.237
Tài sản ngắn hạn khác	4.854.907.612	4.854.907.612	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	-	(28.093.285.455)	28.093.285.455
Phải thu dài hạn khác	-	(1.143.591.194)	1.143.591.194
Nguyên giá tài sản cố định vô hình	446.300.864	396.300.864	50.000.000
Khấu hao lũy kế - Tài sản cố định vô hình	(446.300.864)	(396.300.864)	(50.000.000)
Chi phí trả trước dài hạn	525.511.758	245.440.892	280.070.866
Tài sản dài hạn khác	381.981.600	381.981.600	-
	101.891.748.293	-	101.891.748.293

	Số đã báo cáo tại 31/12/2014	Chênh lệch điều chỉnh/phân loại lại	Số trình bày lại tại 31/12/2014
CÔNG NỢ VÀ NGUỒN VỐN			
Vay và nợ ngắn hạn	8.644.451.675	8.644.451.675	-
Phải trả người bán ngắn hạn	14.065.994.634	9.352.632.708	4.713.361.926
Người mua trả tiền trước	10.322.013.362	(59.171.927)	10.381.185.289
Phải trả ngắn hạn khác	27.591.602.511	3.321.523.479	24.270.079.032
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	(8.644.451.675)	8.644.451.675
Phải trả người bán dài hạn	-	(9.352.632.708)	9.352.632.708
Phải trả dài hạn khác	-	(3.321.523.479)	3.321.523.479
Doanh thu chưa thực hiện (dài hạn)	716.291.344	59.171.927	657.119.417
Quỹ đầu tư phát triển	10.170.857.527	(2.660.914.572)	12.831.772.099
Quỹ dự phòng tài chính	2.660.914.572	2.660.914.572	-
	74.172.125.625	-	74.172.125.625



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

	Số đã báo cáo từ	Chênh lệch điều	Số trình bày lại từ
	ngày 01/01/2014		ngày 01/01/2014
	đến ngày	chỉnh/phân loại lại	đến ngày
	30/6/2014		30/6/2014
	VND	VND	VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.443	372	1.071

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

	Số đã báo cáo từ	Chênh lệch điều	Số trình bày lại từ
	ngày 01/01/2014		ngày 01/01/2014
	đến ngày	chỉnh/phân loại lại	đến ngày
	30/6/2014		30/6/2014
	VND	VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	2.649.157.158	2.724.165.844	(75.008.686)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(1.023.800.751)	(2.664.056.294)	1.640.255.543
- Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(1.230.800.751)	(1.074.800.750)	(156.000.001)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	-	(1.296.255.544)	1.296.255.544
- Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	207.000.000	(293.000.000)	500.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(2.737.960.379)	(60.109.550)	(2.677.850.829)
- Tiền thu từ đi vay	5.006.333.290	-	5.006.333.290
- Tiền trả nợ gốc vay	(5.134.583.669)	-	(5.134.583.669)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(2.609.710.000)	(60.109.550)	(2.549.600.450)
	(1.112.603.972)	-	(1.112.603.972)



Lê Thị Lan Phương
 Người lập biểu



Lê Minh Quyết
 Kế toán trưởng



Đình Văn Duẩn
 Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 8 năm 2015